

Số: 737 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 03 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026. Sự bùng phát của dịch Covid-19 lần thứ 4 đã tác động tiêu cực, ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát, hỗ trợ của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, thống nhất của UBND tỉnh, các cấp, các ngành, địa phương cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 đã đạt được một số kết quả khá tích cực.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tỉnh đã chuẩn bị chu đáo và tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo đúng luật định, dân chủ, minh bạch, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; đã bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND cấp tỉnh, huyện, xã bảo đảm được cơ cấu, chất lượng đại biểu¹. Kịp thời kiện toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, tạo quyết tâm, nỗ lực mới trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

UBND tỉnh đã kịp thời xây dựng và ban hành các quyết định, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021. Chỉ đạo các sở, ban, ngành địa phương tập trung hoàn thiện các chương trình, đề án đảm bảo chất lượng và tiến độ đã đề ra. UBND tỉnh đã chủ động, tích cực phối hợp các

¹ Toàn tỉnh có 3.200 tổ bầu cử không có tổ bầu cử nào vi phạm, phải bầu lại; tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 98,93%. Đã bầu 13 đại biểu Quốc hội; 83 đại biểu HĐND tỉnh, 736 đại biểu HĐND cấp huyện và 10.991 đại biểu HĐND cấp xã.

cơ quan trung ương đề xuất, xây dựng đề án và trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An để triển khai thực hiện.

2. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Quán triệt, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống dịch Covid-19 và Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã triển khai kịp thời, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống dịch; thành lập Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch các cấp; huy động mọi nguồn lực và cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc; vận động toàn dân đoàn kết phòng, chống dịch; linh hoạt áp dụng các biện pháp phù hợp với tình hình diễn biến dịch bệnh và điều kiện của từng địa phương với quyết tâm kiểm soát dịch bệnh trong thời gian ngắn nhất. Kiên định thực hiện 5 nguyên tắc phòng, chống dịch (*ngăn chặn, phát hiện sớm, cách ly, khoanh vùng, dập dịch*); phát huy tốt vai trò của các Tổ phản ứng nhanh, Tổ Covid cộng đồng tại 100% thôn, xóm, bản. Đã thiết lập và củng cố hệ thống phòng chống dịch đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở². Thực hiện tốt công tác cách ly và điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19³. Tổ chức tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 theo đúng kế hoạch được trung ương phân bổ đảm bảo an toàn⁴. Giữ vững an toàn phòng chống dịch tại khu kinh tế, các khu công nghiệp. Ban hành và triển khai kịp thời kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ.

Bên cạnh công tác phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã tích cực phối hợp, hỗ trợ, chi viện nhân lực y tế cho các địa phương ngoại tỉnh có dịch theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁵. Vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tích cực chung tay, góp sức ủng hộ công tác phòng, chống dịch⁶.

3. Kinh tế duy trì được đà tăng trưởng trong bối cảnh dịch Covid-19

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê⁷, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2021 ước tăng 6,2%. Trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản ước tăng 5,59%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 13,59% (riêng công nghiệp tăng 18,79%); khu vực dịch vụ ước tăng 1,26%; thuế sản phẩm

² Hình thành mạng lưới truy vết từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở; thành lập 08 bệnh viện dã chiến và 02 Trung tâm hồi sức tích cực để phục vụ công tác cách ly và điều trị bệnh nhân Covid-19. Đến nay, còn 02 bệnh viện dã chiến số 3 và số 8 đang hoạt động với quy mô 1.200 giường. Hình thành mạng lưới xét nghiệm với 09 phòng xét nghiệm bằng kỹ thuật RT-PCR, công suất khoảng 40.000 mẫu/ngày (*mẫu gộp 10*).

³ Tổng số trường hợp đang cách ly, theo dõi sức khỏe đến ngày 30/11/2021 là 27.834 người; trong đó cách ly tập trung 7.709 người. Lũy kế đến 01/12/2021, trên địa bàn ghi nhận 4.621 trường hợp mắc Covid-19; trong đó 3.442 trường hợp đã khỏi bệnh, ra viện; 1.150 trường hợp đang điều trị

⁴ Đến ngày 30/11/2021, có 1.898.928 người trên 18 tuổi tiêm ít nhất 1 mũi, trong đó có 1.388.201 người đã tiêm đủ 2 mũi.

⁵ Qua 07 đợt chi viện với 320 cán bộ, nhân viên y tế hỗ trợ phòng chống dịch cho các tỉnh, thành bạn. Trong đó: Đà Nẵng 16; Hà Tĩnh 53; TP Hồ Chí Minh 161; Bình Dương 60; Đồng Nai 30.

⁶ Tính từ ngày 28/5 đến 05/11/2021, đã tiếp nhận 171,62 tỷ đồng (trong đó tiếp nhận tiền 121,19 tỷ đồng, hàng hóa giá trị 50,43 tỷ đồng).

⁷ Công văn số 1796/TCTK-TKQG ngày 30/11/2021.

trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 6,53%. Cụ thể các ngành, lĩnh vực như sau:

- **Nông nghiệp, nông thôn:** Trong bối cảnh dịch bệnh, khu vực sản xuất nông, lâm, thủy sản vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 352.366 ha, bằng 99,81% so cùng kỳ; tổng sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt 1.246.448 tấn, tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng nhanh giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích; đẩy mạnh áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đưa các giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường⁸. Đã tiến hành xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất nông, lâm, nghiệp và hình thành một số sản phẩm sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín, như: chè, tinh bột sắn, mía đường, sữa bò, gỗ chế biến. Tổ chức khơi thông, tiêu thụ hàng nông sản bằng nhiều hình thức, trong đó đẩy mạnh tiêu thụ qua sàn thương mại điện tử; tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng chuyên dịch các loại vật nuôi phù hợp với tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh, nhu cầu thị trường và diễn biến của dịch bệnh⁹; đẩy mạnh chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp và trang trại, gia trại, giảm dần chăn nuôi hộ gia đình trong dân cư. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 270 nghìn tấn, tăng 7,87% so với năm 2020. Công tác phòng, chống dịch, bệnh cho gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt. Diện tích trồng rừng tập trung ước đạt 18.500 ha, tăng 1,6% cùng kỳ; thực hiện tốt công tác bảo vệ 964.660 ha rừng hiện có; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.500 nghìn m³, tăng 13,66% so với năm 2020. Lĩnh vực thủy sản tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loại có giá trị kinh tế cao và phát triển khai thác hải sản xa bờ. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 245.000 tấn, tăng 0,7%; trong đó, sản lượng khai thác 185.000 tấn, bằng 99,8% so với năm 2020.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Dự kiến trong năm 2021, có 20 xã đạt chuẩn NTM, 24 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt NTM kiểu mẫu; 01 huyện (Quỳnh Lưu) đạt chuẩn NTM. Lũy kế toàn tỉnh có 300/411 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 72,99%); có 26 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (chiếm 8,67% xã đạt chuẩn NTM); có 07 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và đạt chuẩn NTM; đạt bình quân 16,8 tiêu chí/xã (tăng 0,28 tiêu chí/xã so với năm 2020).

- **Sản xuất công nghiệp:** Mặc dù chịu nhiều tác động của dịch Covid-19 nhưng sản xuất công nghiệp vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, trong đó một số nhà máy đã đi vào hoạt động từ đầu năm và có sản phẩm thương mại ổn định như xi măng Tân Thắng, may An Hưng, Luxshare ICT Nghệ An... Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 11 tháng năm 2021 ước tăng 16,01%; trong đó, công nghiệp khai

⁸ Diện tích gieo trồng lúa ước đạt 178.940 ha/ KH 179.600 ha; trong đó lúa chất lượng cao chiếm khoảng 44,7%. Năng suất lúa cả năm ước đạt 58,07 tạ/ha, tăng 6,55%; sản lượng lúa cả năm ước đạt 1.039.162 tấn, tăng 5,82% so với cùng kỳ năm 2020.

⁹ Ước cả năm, tổng đàn trâu bò đạt 777 nghìn con, tăng 1,44%; đàn lợn 1 triệu con; đàn gia cầm 30 triệu con, tăng 5,74% so với cùng kỳ năm 2020. Một số doanh nghiệp, trang trại lớn đã nhập hàng nghìn con bò thịt chất lượng cao về nuôi hàng hóa, hiệu quả bước đầu đạt khá; 2 dự án lớn về chăn nuôi bò sữa theo hướng công nghiệp của Công ty CP thực phẩm sữa TH và Vinamilk tiếp tục phát triển.

khoảng tăng 15,71%, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,70%, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 20,43%. Dự ước cả năm 2021, một số sản phẩm có mức tăng khá so với cùng kỳ năm 2020 như: đá xây dựng 5,08 triệu m³, tăng 18,3%; xi măng 8,8 triệu tấn, tăng 23,9%; sữa chế biến 310 triệu lít, tăng 22,5%; điện sản xuất tăng 18,9%...

- **Lĩnh vực dịch vụ:** Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên các ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề, nhất là thương mại, du lịch, vận tải,... Loại trừ một số mặt hàng y tế, nhu yếu phẩm phục vụ phòng, chống dịch, lương thực, thực phẩm có mức tăng trưởng tốt; các mặt hàng khác, sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2021 ước đạt 68.000 tỷ đồng, bằng 99,3% cùng kỳ năm 2020. Tổng lượt khách lưu trú ước đạt 1.268.000 lượt, bằng 47%; doanh thu du lịch ước đạt 1.088 tỷ đồng, bằng 42% so với năm 2020.

Hoạt động xuất khẩu là điểm sáng trong bối cảnh bị ảnh hưởng tác động của dịch Covid-19; các doanh nghiệp Nghệ An đã xuất khẩu đi hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Dự ước cả năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 1.950 triệu USD, tăng 42,1% so với năm 2020; trong đó, xuất khẩu hàng hóa 1.630 triệu USD¹⁰, tăng 53,3% cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 ước đạt 900 triệu USD, tăng 22,45% so với năm 2020.

Hoạt động vận tải gặp nhiều khó khăn, nhất là vận tải hành khách do nghỉ dịch kéo dài. Khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 3.900 triệu tấn.km, tăng 7,08%; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 7.815 triệu hành khách.km, bằng 98%; doanh thu vận tải ước đạt 9.885 tỷ đồng, bằng 93,4% so với cùng kỳ năm 2020. Mạng lưới bưu chính tiếp tục được mở rộng; hạ tầng kỹ thuật viễn thông được đầu tư phát triển theo quy hoạch, phủ sóng đến tận vùng sâu, vùng xa. Tổng doanh thu bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, xuất bản, in, phát hành ước đạt 2.940,72 tỷ đồng, đạt 66,81% kế hoạch.

Nguồn vốn huy động và dư nợ của các ngân hàng đạt mức tăng trưởng tốt so với năm 2020, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ được kiểm soát dưới mức cho phép; hoạt động thanh toán thông suốt, an toàn. Ước tính đến cuối năm 2021, nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 175.291 tỷ đồng, tăng 11,3% (+17.797 tỷ đồng) so với đầu năm; Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 241.853 tỷ đồng, tăng 7% (+15.822 tỷ đồng) so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,67% tổng dư nợ, luôn giữ ở mức thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước.

- **Hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước:** Thu ngân sách nhà nước năm 2021 ước thực hiện 17.678 tỷ đồng, đạt 126% dự toán trình HĐND tỉnh điều chỉnh và bằng 99,5% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó, thu nội địa ước đạt 16.075 tỷ đồng, đạt 125,8% dự toán điều chỉnh (loại trừ thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa thực hiện 11.351 tỷ đồng, đạt 116,3% dự toán điều chỉnh

¹⁰ Nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng khá như: Linh kiện điện thoại đạt 213 triệu USD (so với 1,7 triệu USD cùng kỳ 2020); hàng dệt may tăng 26,3%; dăm gỗ tăng 21%; hạt phụ gia nhựa tăng 50,4%; hoa quả chế biến và nước hoa tăng 14,5%; xơ sợi dệt các loại đạt tăng 39%; bột đá vôi trắng siêu mịn tăng 47,7%. Một số mặt hàng nông sản cũng tăng trưởng mạnh như thủy sản tăng 95,8%, tinh bột sắn tăng 38%, hạt tiêu tăng 114,4% so với cùng kỳ 2020.

và bằng 102,8% so với cùng kỳ năm 2020); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 1.600 tỷ đồng, bằng 128% dự toán, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2020. Chi ngân sách ước cả năm 2021 đạt 27.984 tỷ đồng, bằng 108,8% dự toán.

4. Quản lý đầu tư công, quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được xây dựng trên cơ sở bám sát nguyên tắc, tiêu chí theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Phương án bố trí đảm bảo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên, thu hồi vốn ứng trước, hoàn thành các dự án chuyển tiếp, giảm số lượng dự án khởi công mới so với giai đoạn trước, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

- Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch đầu tư công được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản¹¹ đôn đốc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công; thành lập tổ công tác về đầu tư công, kiểm tra thực tế hiện trường các dự án; phân công các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc tiến độ các dự án giải ngân chậm theo từng lĩnh vực; thực hiện thông báo kết quả giải ngân tới các cấp, các ngành, các chủ đầu tư 10 ngày 01 lần để đôn đốc; đồng thời yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch và cam kết giải ngân hàng tháng; rà soát điều chỉnh, điều chuyển vốn kịp thời. Tính đến 30/11/2021, nguồn vốn đầu tư công tập trung tỉnh quản lý đã giải ngân 2.146,433 tỷ đồng, đạt 67,88% Kế hoạch giao đầu năm, trong đó, vốn trong nước đã giải ngân đạt 76,65%, vốn nước ngoài đạt 31,66%¹². Dự kiến đến 31/01/2021, tổng tất cả các nguồn vốn giải ngân đạt 93,09% kế hoạch giao đầu năm; trong đó, vốn trong nước ước đạt 97,04%; vốn nước ngoài ước đạt 61,68%. Các công trình trọng điểm được tập trung đẩy nhanh tiến độ như: Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Lò (Nghệ An) từ điểm giao QL.46 đến TL.535 (Km76 - Km83+500); Đường Mường Xén - Ta Đo - Khe Kiền, Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1)... Hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ¹³.

Triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn 2050 theo nhiệm vụ Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹⁴. Tập trung đẩy

¹¹ Công văn số 779/UBND-KT ngày 09/02/2021 và số 8408/UBND-KT ngày 03/11/2021 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021; Công văn số 4983/UBND-KT ngày 20/7/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ; Công điện số 26/CĐ-UBND ngày 23/8/2021 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021...

¹² Không bao gồm 470 tỷ đồng mới phân bổ cho 02 dự án khởi công mới tại Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh (sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025)

¹³ Triển khai 06 tuyến đường giao thông thiết yếu trong khu kinh tế Đông Nam gồm: Tiếp tục thi công Đường N2, N5, N5 đoạn 2; các tuyến đường D4 giai đoạn 2, N1, N4.

¹⁴ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 26/01/2021 và Công văn số 3177/UBND-KT ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai lập quy hoạch tỉnh. Đơn vị tư vấn đã hoàn thành dự thảo khung định hướng quy hoạch để xin ý kiến; đang triển khai đồng thời xây dựng nội dung phương án Quy hoạch tỉnh; các nội dung đề xuất tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực, địa phương. Dự kiến đến cuối năm 2021, hoàn thành dự thảo (lần 1).

nhanh tiến độ lập các quy hoạch; công tác lập quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn đã cơ bản phủ kín¹⁵; công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện đến nay đã phê duyệt được 02/17 vùng huyện (Nam Đàn, Yên Thành); đang chỉ đạo lập quy hoạch vùng huyện của 12 huyện (trong đó có 08 huyện đã phê duyệt nhiệm vụ đang lập quy hoạch, 04 huyện đang lập nhiệm vụ); cơ bản các đô thị của tỉnh đã được lập quy hoạch tương đối hoàn chỉnh. Hoàn thành và trình Bộ Xây dựng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam đến năm 2040¹⁶. Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An¹⁷. Xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua các Nghị quyết về các cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ phát triển thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa.

5. Về cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách của Trung ương về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19; ban hành Kế hoạch số 566/KH-UBND ngày 07/10/2021 triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; thành lập Tổ công tác đặc biệt và kế hoạch triển khai để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương theo dõi sát tình hình hoạt động, chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, người dân để kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết với tinh thần hỗ trợ tối đa; chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công, Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, giải quyết hồ sơ tồn đọng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục, công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư...

Các hoạt động xúc tiến đầu tư được chuyển hướng từ tổ chức tiếp xúc theo chiều rộng (tổ chức hội nghị, giới thiệu gặp mặt định kỳ) sang xúc tiến theo chiều sâu, có trọng tâm, theo chuyên đề và đối tác; tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, thực hiện xúc tiến đầu tư theo hình thức trực tuyến và lồng ghép vào các hoạt động đối ngoại của tỉnh. Trong đó, tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. UBND tỉnh quyết liệt chỉ đạo các sở, ngành tiếp tục Tổ chức đón tiếp và làm việc với các đoàn đối tác, nhà đầu tư trong và ngoài nước theo cả 2 hình thức trực tiếp và trực tuyến¹⁸. Tiếp tục công tác hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm

¹⁵ Tỷ lệ phủ kín Quy hoạch chung xây dựng đô thị hiện hữu và đô thị chính (45 đô thị) đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng các đô thị khác đạt 88,9% (còn lại các đô thị là thị tứ khu vực miền núi); tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 72% (thành phố Vinh cơ bản hoàn thành; thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai đang triển khai lập quy hoạch các phân khu).

¹⁶ Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII đã thông nhất thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 2, tháng 8/2021

¹⁷ Công văn số 5722/UBND-CN về việc thực hiện kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030"

¹⁸ Trong đó, nổi bật là tỉnh Nghệ An phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hội nghị trực tuyến về xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư Đài Loan vào Nghệ An với sự tham gia của 03 nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng (Công ty TNHH

cải thiện môi trường đầu tư¹⁹; các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) và Cải cách hành chính (PAR index) được cải thiện về điểm số và thứ hạng²⁰. Hoàn thành đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam đến năm 2040²¹; tổ chức triển khai các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng các Khu công nghiệp, phân khu trong Khu kinh tế Đông Nam; phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Hoàng Mai I.

Tính đến ngày 30/11/2021, trên địa bàn tỉnh đã cấp mới cho 106 dự án, điều chỉnh 118 lượt dự án, tổng số vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 28.072,80 tỷ đồng; tăng 41,33% về số lượng dự án và gấp 2,92 lần về tổng mức đầu tư đăng ký so với cùng kỳ năm 2020. Đã chấm dứt hoạt động 10 dự án, đưa tổng số dự án chấm dứt hoạt động đến nay là 196 dự án (với diện tích đất quy hoạch 120.460 ha). Thành lập mới 2.323 doanh nghiệp, tăng 6,7% so với cùng kỳ, với tổng số vốn đăng ký 18.890,12 tỷ đồng; có 799 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại, tăng 183 doanh nghiệp so với cùng kỳ 2020.

6. Công tác phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội được quan tâm thực hiện

- **Giáo dục và đào tạo:** Trong bối cảnh dịch Covid-19, ngành Giáo dục đã chủ động, linh hoạt, kịp thời chỉ đạo hoàn thành chương trình và kết thúc năm học 2020-2021; tổ chức tốt các kỳ thi đảm bảo nghiêm túc, an toàn trong điều kiện dịch bệnh; giữ vững thành tích chất lượng giáo dục mũi nhọn²². Triển khai tốt nhiệm vụ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia²³. Chất lượng phổ cập giáo dục tiếp tục được nâng cao²⁴. Công tác tuyển sinh và đào tạo giáo dục nghề nghiệp có nhiều đổi mới²⁵, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục

VSIP Nghệ An, Công ty CP WHA Industrial Zone Nghệ An và Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt) và hơn 200 doanh nghiệp/nhà đầu tư quan tâm.

¹⁹ Điều chỉnh bảng giá đất tại các khu công nghiệp; trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (thay thế Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND); chỉ đạo sửa đổi Quyết định 72/2017/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An

²⁰ Chỉ số PCI năm 2020 xếp thứ 18 cả nước, thứ 2 khu vực Bắc Trung Bộ; so với năm 2019, có 03/10 chỉ số tăng điểm, tăng thứ bậc; (2) Chỉ số PAPI năm 2020 xếp thứ 15 cả nước, tăng 02 bậc so với năm 2019; (3) Chỉ số PAR Index xếp thứ 18/63 cả nước, tăng 6 bậc so với năm 2019

²¹ Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII đã thông nhất thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 2, tháng 8/2021; hiện đang trình Bộ Xây dựng thẩm định.

²² Năm 2021, học sinh Nghệ An đã đạt 05 Huy chương quốc tế và khu vực (trong đó 01 Huy chương Vàng và 4 Huy chương Bạc); 81/102 đạt giải HSG quốc gia (có 7 giải Nhất, 25 giải Nhì, 27 giải Ba và 22 giải Khuyến khích), xếp thứ 5 toàn quốc. Thành phố Vinh là 1 trong 2 thành phố của Việt Nam được UNESCO công nhận “Thành phố học tập toàn cầu”; điểm trung bình chung thi TN THPT 2021 tăng 7 bậc so với năm 2020

²³ Lũy kế đến 15/11/2021, đã công nhận mới 19 trường (11 trường MN, 1 trường TH, 6 trường THCS, 1 trường THPT); công nhận lại và nâng chuẩn 80 trường (34 trường MN, 33 trường TH, 11 trường THCS, 2 trường THPT). Tổng số trường đang đạt chuẩn là 962 trường (trong đó, 273 trường MN, 499 trường TH, 157 trường THCS, 33 trường THPT). Dự kiến kết thúc năm 2021, sẽ có 1065 trường đang đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 73,35%.

²⁴ Đến nay, có 21/21 đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn Xoá mù chữ mức độ 2, chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 04 đơn vị đạt chuẩn Phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; 13 đơn vị đạt chuẩn Phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 04 đơn vị đạt chuẩn Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

²⁵ Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển sinh, đào tạo trực tuyến (online), kết hợp với trực tiếp; năm 2021 đã tuyển sinh đào tạo cho 63.530 lượt người (đạt 95,5% KH), gồm: Cao đẳng 4.740 người; Trung cấp 8.743 người; Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 50.047 lượt người.

ngành nghiệp toàn quốc (trực tuyến) đạt giải Nhì toàn đoàn²⁶, mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được củng cố. Chuẩn bị chu đáo các nội dung để triển khai nhiệm vụ năm học mới; ngành giáo dục đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch dạy học theo hướng tinh giản nội dung, tổ chức các hình thức dạy học phù hợp với tình hình dịch và điều kiện thực tế tại từng địa phương. Triển khai hưởng ứng Chương trình “Sóng và máy tính cho em” theo phát động của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ thiết bị học tập cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- **Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:** Ngành Y tế đã chủ động, tích cực và thực hiện kịp thời công tác phòng, chống dịch Covid-19 có hiệu quả. Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các kỹ thuật cao trong khám và điều trị cho nhân dân. Chú trọng công tác khám bệnh ban đầu tại tuyến dưới trên cơ sở tăng cường bác sỹ cho tuyến y tế cơ sở. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị y tế công lập, tạo ra nhiều đổi mới trong cung cấp các dịch vụ y tế, tình trạng quá tải được cải thiện rõ rệt, làm hài lòng người dân với nhiều sự lựa chọn dịch vụ y tế có chất lượng và thuận lợi. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm; thực hiện các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tư nhân; khám chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng được tăng cường. Chủ động xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Chiến dịch truyền thông, vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình và triển khai đạt nhiều kết quả tốt. Ước đến cuối năm 2021, tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 93%; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 90%; đạt 11 bác sỹ/vạn dân; 35,72 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 15,3%...

- **Công tác lao động, việc làm và đảm bảo an sinh xã hội:** Tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ: số 68/NQ-CP, số 126/NQ-CP, số 116/NQ-CP; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 23/2021/QĐ-TTg, số 33/2021/QĐ-TTg, số 28/2021/QĐ-TTg²⁷. Tính đến ngày 26/11/2021, toàn tỉnh đã phê duyệt: 91.184 lượt đối tượng, kinh phí đề nghị 134.787,568 triệu đồng²⁸. Bảo hiểm xã hội tỉnh đã thực hiện giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho 6.856 đơn vị, tương ứng 155.135 lao động với số tiền được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp là 14.414 triệu đồng; tiếp nhận danh sách đề

²⁶ 14/14 nhà giáo tham gia đạt giải, gồm: 2 giải nhất, 3 giải nhì, 4 giải ba và 5 giải khuyến khích.

²⁷ UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 15/7/2021 và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 triển khai 12 nhóm chính sách hỗ trợ cho người lao động, người dân và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Hiện đang dự thảo Văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ban hành Công văn số 7188/UBND-VX ngày 28/9/2021 và Công văn số 7507/UBND-VX ngày 07/10/2021 triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ và Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thực hiện chính sách hỗ trợ Người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp

²⁸ UBND tỉnh đã cấp kinh phí hỗ trợ cho 72.886 lượt đối tượng, kinh phí 106.732,749 triệu đồng; 7.101 đơn vị với 157.594 lao động được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, số tiền giảm: 18.443 triệu đồng; tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất cho 13 đơn vị, với 821 lao động, số tiền 5,606 tỷ đồng. Ngân hàng chính sách xã hội đã phê duyệt và giải ngân cho 30 doanh nghiệp vay vốn, hỗ trợ cho 2.357 lượt lao động, kinh phí 7.229,591 triệu đồng.

ngộ hỗ trợ cho 181.044 lao động, đã giải quyết hưởng hỗ trợ cho 170.080 lao động với số tiền chi trả 402.562 triệu đồng²⁹. Chủ động phương án chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong điều kiện dịch Covid-19³⁰; hỗ trợ trẻ em là con của sản phụ bị nhiễm Covid-19, trẻ em mồ côi do dịch Covid-19 theo Quyết định số 1013/QĐ-LĐTBXH ngày 08/9/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức chu đáo công tác hỗ trợ, đón công dân Nghệ An có nguyện vọng trở về địa phương do dịch Covid-19³¹.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt kết nối cung- cầu, giải quyết việc làm cho người lao động; dự ước năm 2021, giải quyết việc làm cho 38.850 người. Chỉ đạo nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội; làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Thực hiện tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tỉnh Nghệ An theo chuẩn nghèo mới; triển khai các chương trình mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới...

- **Văn hóa, thể thao:** Các hoạt động văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với tình hình dịch bệnh để lan tỏa giá trị tốt đẹp trong nhân dân³²; nhiều hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ người dân vùng dịch, lực lượng tuyến đầu chống dịch đã diễn ra sôi nổi, âm áp, thể hiện nghĩa cử cao đẹp, tinh thần trách nhiệm của nhân dân. Công tác bảo tồn, bảo tàng, phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, tổ chức tốt việc mở cửa đón khách tham quan tại các di tích, bảo tàng gắn với đảm bảo phòng chống dịch. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở gắn với phong trào nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần làm thay đổi diện mạo, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng và thành tích cao tiếp tục đạt được những thành tích đáng khích lệ trong các giải quy mô cấp tỉnh và cấp Quốc gia.

- **Hoạt động khoa học công nghệ:** Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ được tiến hành tập trung, trọng điểm. Thực hiện nhiều đề tài, dự án nhằm phát triển sản phẩm hàng hóa đầu tư theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thị trường tiêu thụ, cụ thể đã tập trung nghiên cứu theo chuỗi sản phẩm trà hoa vàng, lúa japonica, cam, chè, trám đen, cây dược liệu. Thúc đẩy hoạt động đổi mới công

²⁹ 2.477 người không đủ điều kiện hưởng

³⁰ Phân bổ từ nguồn dự trữ quốc gia 727.875 kg gạo cho 12.476 hộ dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021. Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 341.100 kg cho 4.579 hộ.

³¹ Đợt dịch Covid-19 lần thứ tư (từ tháng 4 đến tháng 10/2021), có 99.945 người từ vùng có dịch Covid-19 đã về địa phương, trong đó, số người trong độ tuổi lao động là 75.858 người, chiếm 75,95% tổng số công dân trở về quê. Có 45.292 người (có đăng ký với các huyện, xã) có nhu cầu giải quyết việc làm (chiếm 59,7% số lao động trở về quê); trong đó, có nguyện vọng làm việc trong tỉnh: 21.661 người (chiếm 28,55%), đi làm việc ngoại tỉnh: 20.749 người (chiếm 27,35%), đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 2.882 người (chiếm 3,8%). Có 9.233 người có nhu cầu đào tạo nghề. Có 30.566 người lao động muốn ở lại địa phương tự làm việc hoặc chưa sẵn sàng trở lại làm các công việc trước đây (chiếm 40,29%).

³² Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng các chương trình nghệ thuật "Về miền Vĩ, Giặm", "Sống như tia nắng mặt trời", "Tinh thần người xứ Nghệ", "Trên mặt trận mới" phát sóng trên sóng truyền hình NTV; biên tập chương trình nghệ thuật, các tác phẩm âm nhạc về đề tài tuyên truyền phòng, chống Covid 19...

nghệ, đổi mới sáng tạo công nghệ ở tất cả các doanh nghiệp. Phát triển tài sản trí tuệ địa phương, lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu để đầu tư xác lập bảo hộ và phát triển thương hiệu sản phẩm Nghệ An³³. Triển khai Cuộc thi Tìm kiếm Tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An, Hackathon Nghệ An năm 2021³⁴. Hình thành quỹ đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm phát huy năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được quan tâm, đảm bảo hiệu quả của công tác tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

- **Bảo hiểm xã hội:** Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) để tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, bảo hiểm xã hội cho mọi người lao động. Giải quyết kịp thời, đúng chế độ chính sách và các quyền lợi chính đáng của người tham gia bảo hiểm. Công tác chi trả các chế độ bảo hiểm được bảo đảm, kịp thời hỗ trợ người dân, người lao động vượt qua khó khăn, nhất là trong tình hình dịch bệnh³⁵. Ước tính đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 2.941.133 người tham gia BHXH, BHYT, BHXH tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), tăng 0,7% (+21.296 người) so với năm 2020. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 91,0% dân số. Giải quyết cho 118.850 lượt người hưởng chế độ BHXH, bằng 97,68% so với năm 2020.

- **Thực hiện chính sách dân tộc:** Triển khai quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc trong tình hình mới³⁶. Các chương trình, chính sách dân tộc được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng địa bàn, đúng đối tượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Công tác tham mưu xây dựng chính sách, rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách dân tộc của Trung ương được triển khai kịp thời, đảm bảo chất lượng³⁷; thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung về công tác chuẩn bị triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

³³ Đến hết năm 2021, Nghệ An đã có 1.441 đối tượng được bảo hộ, trong đó có 1355 nhãn hiệu, 65 kiểu dáng, 13 giải pháp hữu ích và 8 sáng chế. Nhãn hiệu cộng đồng có 30 nhãn hiệu tập thể, 3 nhãn hiệu chứng nhận và 2 chỉ dẫn địa lý là “Gừng Kỳ Sơn” và “Cam Vinh”

³⁴ Kết quả có 20 đơn vị được chọn vào chung kết và 10 đơn vị đạt giải với 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 03 giải Ba và 04 giải khuyến khích

³⁵ Trong năm 2021, ngành BHXH đã có 04 lần thực hiện chi trả gộp lương hưu, trợ cấp BHXH 2 tháng/lần trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cho người hưởng; hỗ trợ các cơ sở y tế giải quyết khó khăn liên quan đến việc thực hiện dự toán chi phí KCB và vướng mắc trong việc thực hiện KCB BHYT, đảm bảo quyền lợi cho bệnh nhân điều trị Covid-19 tại các cơ sở KCB

³⁶ Kết luận 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội; Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định 1719/QĐ-TTg phê duyệt chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025

³⁷ Rà soát báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định các xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021); rà soát, báo cáo các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021).

2025; xây dựng Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

- **Thông tin, truyền thông:** Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, chống phá từ các thế lực thù địch; tuyên truyền về các sự kiện chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội của đất nước, của tỉnh và các vấn đề xã hội quan tâm. Tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các cơ quan báo chí đã cập nhật thường xuyên, liên tục, đầy đủ tình hình diễn biến dịch bệnh và tăng cường tuyên truyền công tác phòng, chống dịch Covid-19.

7. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Đã tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường³⁸; tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản, chính sách về lĩnh vực tài nguyên và môi trường phù hợp với thực tế và sự thay đổi của các Luật, văn bản dưới luật³⁹. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho 21/21 huyện, thành, thị xã. Tổ chức thẩm định Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu cho 14 đơn vị cấp huyện⁴⁰. Quan tâm thực hiện công tác bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản⁴¹, tiếp tục rà soát, kiểm tra hiện trạng, tình hình khai thác, thực hiện các nghĩa vụ liên quan (thuê đất, nộp tiền cấp quyền, ký quỹ, báo cáo định kỳ, kiểm kê trữ lượng...) của các khu vực mỏ; xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đấu giá đất được chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo các ngành liên quan và chính quyền địa phương phối hợp giải quyết vướng mắc để đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Công tác cải cách hành chính, quản lý nhà nước

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chủ động triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính (CCHC), trong đó trọng tâm chú trọng thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; xác định rõ chủ đề năm 2021 là năm “Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính”⁴²; ban hành Chỉ thị số 38/CT-UBND ngày 22/10/2021 về tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030. Thực hiện phương châm: “Nhanh - Đúng - Hiệu quả” trong tham

³⁸ Tham mưu xây dựng Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2030;

³⁹ Ban hành 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; 04 Quyết định của UBND tỉnh về lĩnh vực đất đai; 01 Quyết định của UBND tỉnh về lĩnh vực tài nguyên nước

⁴⁰ Nghi Lộc, Yên Thành, Thái Hòa, Nam Đàn, Quỳnh Châu, Thanh Chương, Cửa Lò, Diễn Châu, Hưng Nguyên, Vinh, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Hoàng Mai, Quỳnh Lưu

⁴¹ thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 59 điểm mỏ; tham mưu cấp 19 giấy phép khai thác khoáng sản, 48 giấy phép thăm dò khoáng sản, thu hồi 02 giấy phép khai thác khoáng sản

⁴² tại Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 04/02/2021

muu, giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nâng cao chất lượng tham mưu theo phương châm chuyển từ “giải thích, giải trình” sang “giải pháp, giải quyết”, gắn trách nhiệm của người đứng đầu và gắn với đánh giá kết quả thi đua cuối năm. Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 12/7/2020 đã thực hiện rà soát, báo cáo kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công định kỳ hàng tháng để kịp thời chấn chỉnh, đôn đốc thực hiện.

Công tác rà soát, cắt giảm thời gian, đơn giản hóa TTHC tại các cơ quan, đơn vị tiếp tục được đẩy mạnh. Tính đến ngày 10/11/2021, đã rà soát, thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết 561 TTHC, tổng thời gian được cắt giảm là 2.687 ngày; kịp thời công bố các TTHC của các cơ quan, đơn vị. Đến nay, 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đã được các Sở, ban, ngành tham mưu xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo đúng quy định. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, địa phương; duy trì hoạt động của phần mềm⁴³ VNPT-Ioffice trong việc luân chuyển, xử lý văn bản. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến với 26 điểm cầu, kết nối UBND tỉnh với UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai có hiệu quả⁴⁴. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh đã được kiểm soát chặt chẽ qua Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh⁴⁵ đảm bảo minh bạch, rõ ràng, bước đầu được người dân và doanh nghiệp đánh giá cao.

Đã tích cực chỉ đạo công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp. Nghệ An là một trong những tỉnh thuộc tốp đầu về thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế, được Bộ Nội vụ ghi nhận và đánh giá cao. Năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án sáp nhập 03 Ban quản lý dự án thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁴⁶; giải thể 02 đơn vị⁴⁷; các sở, ban, ngành và UBND các huyện thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy đã được phê duyệt. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; trong năm 2021 đã giải quyết chế độ, chính sách cho 396 người, số tiền chi trả hơn 54,4 tỷ đồng.

Thực hiện công khai minh bạch và đúng quy trình thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, đúng tiêu chuẩn, cơ cấu chức danh, vị trí việc làm. Năm 2021, đã tổ chức 108 lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với 10.621 người tham gia. Chỉ đạo xây dựng các tiêu chí đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn

⁴³ 10 tháng năm 2021, tổng số văn bản đến tiếp nhận trên hệ thống là 2.898.460 văn bản; tổng số văn bản đi phát hành trên hệ thống là 443.752 văn bản; Tỷ lệ văn bản ký số trên phần mềm ioffice toàn tỉnh là 71%.

⁴⁴ Tính đến 30/10/2021, hệ thống phục vụ 70 cuộc họp trực tuyến từ tỉnh xuống huyện.

⁴⁵ Tính đến 5/11/2021, hệ thống đã cung cấp 1.833 dịch vụ công (gồm 673 dịch vụ công mức độ 2; 407 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 753 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4). Tính từ 05/12/2020 đến 05/11/2021, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 355.164 hồ sơ (trong đó có 20.559 hồ sơ tiếp nhận online, tăng 10% so với năm 2020)

⁴⁶ Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban QLDA Bản Mông thành Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁴⁷ Quỹ bảo trì đường bộ thuộc Sở Giao thông vận tải và Trung tâm Chinh hình và phục hồi chức năng thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

với vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Thành lập đoàn kiểm tra⁴⁸ liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh. Bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, xóm, khối, bản: (i) Đối với cán bộ, công chức cấp xã, tổng số dôi dư là 316 người, đến nay đã giải quyết chế độ nghỉ việc theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND cho 42 người với số tiền 2,84 tỷ đồng; chuyển chuyên đơn vị khác, nghỉ hưu 78 người; hiện còn dôi dư 196 người; (ii) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: số lượng dôi dư là 388 người; đã giải quyết chế độ cho 160 người với số tiền 1,68 tỷ đồng; (iii) Đối với người hoạt động không chuyên trách xóm, khối bản, đã giải quyết chế độ cho 19.647 người với số tiền 44,68 tỷ đồng.

9. Tình hình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác đối ngoại

- **Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:** Các lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng tỉnh đã phối hợp nắm chắc tình hình, nhất là tuyến biên giới, tuyến biển, vùng đặc thù; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội lớn, nhất là bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Huy động hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia cứu hộ, cứu nạn⁴⁹; bảo đảm an ninh, trật tự tại các khu cách ly, điểm chốt. Hoàn thành công tác tuyển quân năm 2021 với 3.350 quân nhân, đạt 100% chỉ tiêu; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo đúng kế hoạch.

Chỉ đạo triển khai các biện pháp giải quyết các vấn đề nổi lên về an ninh, trật tự; đấu tranh, bắt giữ 02 đối tượng phản động, chống đối; giải quyết ổn định các vụ đình công, lãn công. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm; tội phạm xâm phạm trật tự xã hội giảm 10%, tỷ lệ điều tra đạt 89,4%, phá nhiều chuyên án, vụ án lớn về ma túy, công nghệ cao, “tín dụng đen”, vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp quý hiếm (mua bán, nuôi nhốt hổ trái pháp luật), khai thác khoáng sản trái phép... Xây dựng 77 mô hình “an toàn phòng cháy, chữa cháy” tại các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, khu dân cư; kịp thời huy động lực lượng chữa cháy, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản; tai nạn giao thông giảm sâu cả 03 tiêu chí. Triển khai hiệu quả Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân.

- **Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng:** Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thanh tra năm 2021 đã phê duyệt; toàn ngành thanh tra đã thực hiện 231 cuộc thanh tra hành chính; qua thanh tra phát hiện sai phạm 49.565 triệu đồng và 2.305 m² đất, kiến nghị thu hồi 43.736 triệu đồng và 347 m² đất. Thực hiện 789 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; phát

⁴⁸ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2021, đoàn đã tổ chức kiểm tra 04 đơn vị cấp tỉnh, 08 đơn vị cấp huyện và 15 đơn vị cấp xã. Qua kiểm tra, cơ bản các cơ quan, đơn vị đã có chủ động trong việc triển khai thực hiện quy định việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính khá nghiêm túc.

⁴⁹ Huy động lực lượng hỗ trợ di chuyển 804 hộ dân thuộc huyện Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn, thị xã Thái Hòa ra khỏi vùng ngập lụt do ảnh hưởng sau bão số 6 đảm bảo an toàn.

hiện vi phạm và kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 5.067 triệu đồng; ban hành 1.935 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 9.739 triệu đồng. Thực hiện 78 cuộc thanh tra công vụ, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cấp, các ngành trong việc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; kiến nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 42 tổ chức và 257 cá nhân có sai phạm trong thực thi nhiệm vụ công vụ. Tổ chức tốt việc tiếp công dân; xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại tố cáo; đến nay, các cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp 5.591 lượt công dân, tiếp nhận 7.346 đơn thư các loại; giải quyết được 258/291 vụ việc, đạt tỷ lệ 88,7%. Qua thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo phát hiện và chuyển cơ quan điều tra 05 vụ việc. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; triển khai thực hiện kê khai, minh bạch tài sản thu nhập lần đầu theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- **Công tác đối ngoại:** Hoạt động đối ngoại trong năm 2021 được triển khai linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với diễn biến dịch Covid-19. Tỉnh đã triển khai làm việc với các đoàn quốc tế và đoàn đối ngoại nhằm đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác⁵⁰. Tiếp tục các hoạt động hợp tác với các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài và cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để thúc đẩy hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài; kết nối các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham dự các hội nghị trực tiếp và trực tuyến trên nhiều lĩnh vực... Hoạt động hợp tác, kết nối với địa phương các nước tiếp tục được tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác song phương⁵¹. Hỗ trợ kịp thời các tỉnh của Lào về lương thực, trang thiết bị y tế thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Công tác vận động, quản lý viện trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả⁵². Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân tiếp tục được thực hiện kịp thời, hiệu quả⁵³; giải quyết nhập cảnh cho 450 lượt chuyên gia nước ngoài/26 doanh nghiệp. Triển khai đồng bộ công tác quản lý biên giới, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên biên giới, góp phần củng cố xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021

Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh đã quyết nghị 28 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Dự kiến đến hết năm 2021, có 22/28 chỉ tiêu đạt mục tiêu kế hoạch được HĐND tỉnh giao, 06/28 chỉ tiêu không hoàn thành mục tiêu kế hoạch (*Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo*).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Lĩnh vực kinh tế

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động ảnh hưởng đến hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp gặp

⁵⁰ Đoàn Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền CHDCND Lào tại Việt Nam; Đoàn công tác của tổ chức JICA; Đoàn công tác Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO); Đoàn công tác Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam; Đoàn Đại sứ Cu-ba tại Việt Nam; Đoàn Đại sứ Việt Nam tại châu Âu nhiệm kỳ 2020 - 2023.

⁵¹ Khâu nối thông tin với tỉnh Gifu (Nhật Bản), tỉnh Gyeonggi và thành phố Daegu (Hàn Quốc) tổ chức làm việc trực tuyến để tăng cường hợp tác giữa hai địa phương.

⁵² 18 dự án và 11 phi dự án đang được triển khai trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn cam kết viện trợ là 3.996.738 USD.

⁵³ xử lý 17 vụ việc liên quan đến công tác lãnh sự, 33 vụ việc/44 trường hợp bảo hộ công dân.

nhiều khó khăn⁵⁴; nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải hoạt động cầm chừng, tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể⁵⁵. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng thấp so với năm 2020 như: bia các loại, thiếc tinh luyện, bao bì...; việc tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực ngân sách còn hạn chế trong khi phải đảm bảo nhiều nhiệm vụ chi phát sinh cho công tác phòng chống dịch và đảm bảo an sinh xã hội. Cơ cấu thu ngân sách nhà nước chưa đảm bảo sự ổn định, các khoản thu từ đất còn chiếm tỷ trọng cao.

- Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn do nhà đầu tư không thể tiếp cận trực tiếp tại địa phương để khảo sát, triển khai các thủ tục đầu tư. Tiến độ thực hiện của nhiều dự án đầu tư còn chậm, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của một số dự án tại các Khu công nghiệp như VSIP, WHA, Hoàng Mai I, Khu A – Khu công nghiệp Nam Cẩm...

- Môi trường đầu tư, kinh doanh mặc dù đã có những cải thiện nhất định nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thực sự thông thoáng, hấp dẫn. Các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index mặc dù có chuyển nhưng chưa có sự đột phá⁵⁶; một số chỉ số thành phần chưa được cải thiện⁵⁷.

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của một số nguồn vốn, một số đơn vị huyện, ngành vẫn còn chậm, nhất là vốn nước ngoài⁵⁸; tình trạng số dư tạm ứng kéo dài chưa thu hồi và dự án hoàn thành chưa quyết toán vẫn còn lớn.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Công tác chỉ đạo phòng, chống dịch có lúc, có nơi còn lúng túng, nhất là trong công tác cung ứng hàng hóa nhu yếu phẩm cho người dân, vận chuyển và lưu thông hàng hóa trong giai đoạn giãn cách, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý chủ quan, chưa tuân thủ các quy định phòng chống dịch.

- Đời sống một bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn; bên cạnh đó, dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến đời sống tinh thần của người dân, gây tâm lý lo lắng, bất ổn trước áp lực về dịch bệnh, về các vấn đề như: thất nghiệp, giảm lương, giảm giờ làm, giảm thu nhập...

- Công tác triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người lao động, người sử

⁵⁴ Việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch theo Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng buộc các doanh nghiệp phải điều chỉnh quy mô sản xuất, cắt giảm lao động⁵⁴; ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực và phát sinh nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

⁵⁵ 10 tháng đầu năm, số doanh nghiệp đăng ký tạm dừng hoạt động là 904 doanh nghiệp, tăng 187 doanh nghiệp so cùng kỳ; số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm dừng hoạt động là 97 doanh nghiệp, tăng 31 doanh nghiệp so cùng kỳ; số doanh nghiệp giải thể là 121 doanh nghiệp, tăng hơn 23 đơn vị so với cùng kỳ; số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động là 90 đơn vị.

⁵⁶ Chỉ số PAPI 2020 chỉ xếp thứ 5 khu vực Bắc Trung Bộ. Chỉ số PAR Index thấp hơn địa phương đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ (Thừa Thiên Huế) tương đối xa (15 bậc)

⁵⁷ 05/10 chỉ số giảm điểm, giảm thứ bậc (Gia nhập thị trường, Tỉnh minh bạch, Đào tạo lao động, Thiết chế pháp lý, Cạnh tranh bình đẳng)

⁵⁸ Tính đến 30/11/2021, nguồn vốn nước ngoài mới đạt giải ngân đạt 31,66%, thấp hơn cùng kỳ năm 2020 (51,8%).

dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 tại một số địa phương chậm.

- Số lượng công dân Nghệ An từ các vùng có dịch có nhu cầu về quê lớn, tạo áp lực đến công tác đón, bố trí cách ly y tế; nhất là yêu cầu giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

- Hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp; công tác tuyển sinh, đào tạo và giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn; phần lớn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang tạm dừng hoạt động để phòng chống dịch. Kết quả tuyển sinh 10 tháng đầu năm chỉ đạt 68,24% so với kế hoạch, trong đó kết quả đào tạo theo chương trình chất lượng cao còn thấp; lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo mới chỉ đạt 31,54 % kế hoạch.

- Nhiều hoạt động văn hóa - thể thao phải tạm ngừng; một số hoạt động liên kết phát triển du lịch⁵⁹ bị hoãn, hủy do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Tình trạng trẻ em bị đuối nước, xâm hại, bạo lực tuy có giảm nhưng vẫn xảy ra ở một số địa phương⁶⁰.

3. Công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính

- Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực vẫn còn bất cập, vẫn còn xảy ra tình trạng chặt phá rừng, khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép. Việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất đạt kết quả thấp⁶¹. Một số văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh của một số sở, ngành chưa đúng thời gian quy định; chất lượng tham mưu chưa đạt yêu cầu, còn phải chỉnh sửa nhiều lần.

- Công tác cải cách hành chính mặc dù đã được chỉ đạo triển khai quyết liệt nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra; việc công khai các TTHC theo quy định có những nơi thực hiện chưa kịp thời hoặc chưa đầy đủ; tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả, số lượng hồ sơ nộp và xử lý trực tuyến còn hạn chế; vẫn còn tình trạng giải quyết thủ tục hành chính chậm so với thời gian quy định;

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện chưa nghiêm, vẫn còn tình trạng chấp hành giờ giấc làm việc chưa tốt, còn tình trạng quên việc, chậm việc, chất lượng tham mưu không đạt yêu cầu, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của một số ít cán bộ, công chức có nơi chưa tốt.

- Việc đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT; cập nhật tin bài, thông tin lên cổng/trang thông tin điện tử ở một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; vận hành, sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa tốt, đặc biệt là việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4; hệ thống thư điện

⁵⁹ Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bắc Trung Bộ mở rộng tại Nghệ An, Hội nghị xúc tiến, quảng bá du lịch Nghệ An tại Hà Nội năm 2021, đón các đoàn Famtrip đến khảo sát du lịch Nghệ An...

⁶⁰ Tính đến 22/10/2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 46 vụ đuối nước trẻ em, có 49 em bị tử vong; 20 em tử vong do các tai nạn khác, như tai nạn giao thông, ăn lá ngón tử tự, cháy, ong đốt; 09 vụ bạo lực, xâm hại trẻ em

⁶¹ Kết quả thực hiện ước đến ngày 31/12/2021 chỉ đạt 48,8% về số lượng công trình, dự án và 37,7 % về diện tích đất lúa phải chuyển đổi.

từ công vụ trong khai thác sử dụng còn bất cập. Việc ứng dụng CNTT chưa triệt để, nhất là cấp xã, đặc biệt việc ứng dụng chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành ở cấp xã tỷ lệ chưa cao.

4. Lĩnh vực nội chính và quốc phòng, an ninh: Hoạt động tin dụng đen, phường hội, tội phạm công nghệ cao, tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, tội phạm ma túy... còn tiềm ẩn phức tạp.

IV. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài trên diện rộng đã ảnh hưởng nặng nề, sâu rộng đến các mặt của đời sống xã hội. Có nhiều thời điểm Nghệ An phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 và Chỉ thị 15 trên địa bàn toàn tỉnh, có những địa phương như thành phố Vinh phải áp dụng trên mức Chỉ thị 16.

- Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đại hội XIII của Đảng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, có nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phải triển khai thực hiện; bên cạnh tập trung phòng chống dịch, đồng thời phải triển khai nhiều sự kiện quan trọng, cần tập trung nhiều thời gian và nhân lực để thực hiện; các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và phát sinh thực hiện yêu cầu tiến độ ngày càng khẩn trương.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương chưa đồng bộ, hướng dẫn chưa kịp thời dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

- Nguồn lực đầu tư dành cho đầu tư phát triển còn thiếu, đặc biệt là nguồn lực dành cho giải phóng mặt bằng, phát triển hạ tầng; kết cấu hạ tầng còn bất cập so với yêu cầu phát triển.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nắm bắt thông tin và xử lý một số vấn đề phát sinh, nổi cộm có lúc, có nơi thiếu kịp thời. Vai trò của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa thể hiện rõ, tính trách nhiệm chưa cao; một số sở, ngành chưa chủ động, thiếu quyết liệt, chưa bám sát chương trình công tác để tham mưu; chất lượng tham mưu của một số sở, ngành, cơ quan, đơn vị còn bộc lộ một số bất cập, chưa kịp thời, sát thực, chưa rõ chính kiến.

- Sự đôn đốc, chỉ đạo của các ngành, các cấp có nơi, có lúc tính quyết liệt chưa cao, tư tưởng ngại va chạm dẫn đến hạn chế trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao. Tính chủ động xử lý của cấp cơ sở còn yếu, huy động nội lực của nhiều cơ sở còn khó khăn.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương có lúc, có nơi vẫn chưa thực sự chặt chẽ, quyết liệt, kịp thời, nhất là trong giải quyết các thủ tục về đầu tư và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Đánh giá chung:

Trong năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh bị ảnh hưởng, tác động do dịch Covid-19, nhưng đạt được một số kết quả nhất định: Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được chỉ đạo quyết liệt, thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19 vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Có 22/28 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và vượt kế hoạch; trong đó, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 6,2%; nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp duy trì mức tăng trưởng tốt; kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh; thu ngân sách vượt dự toán đề ra; nhiều công trình, dự án quan trọng đã đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường tiếp tục được quan tâm; an sinh xã hội được bảo đảm. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, Nhân dân tin tưởng, đồng thuận và ủng hộ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội cũng gặp không ít khó khăn, hạn chế như: Có 6/28 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch, trong đó nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng như tốc độ tăng trưởng GRDP, GRDP/người,...; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn nước ngoài còn chậm; cung cầu hàng hóa bị gián đoạn, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống một bộ phận người dân gặp nhiều khó khăn.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Sự quyết tâm, nỗ lực vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thường xuyên, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức của toàn xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp về quyết tâm phòng chống dịch Covid-19. Chiến lược tiêm chủng vắc-xin đang được triển khai mạnh mẽ để đạt được mục tiêu miễn dịch cộng đồng; cùng với các chính sách hỗ trợ, gói kích cầu được Chính phủ ban hành sẽ tạo điều kiện cho nền kinh tế sớm được phục hồi. Trong tỉnh, tình hình an ninh, chính trị - xã hội ổn định; thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm vừa qua, đặc biệt tỉnh Nghệ An đã được Quốc hội thông qua Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, các dự án đầu tư đã và đang được triển khai thực hiện đồng bộ, nhiều công trình, dự án lớn đi vào hoạt động sẽ phát huy hiệu quả sẽ tạo sức bật mới cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Khó khăn

Tình hình dịch Covid-19 dự báo diễn biến phức tạp và có thể xuất hiện biến chủng mới, nguy hiểm hơn, ảnh hưởng sâu rộng, tác động trực tiếp đến đà phục hồi của nền kinh tế. Trong tỉnh, quy mô nền kinh tế, khả năng cạnh tranh của hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế; bên cạnh đó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường tác động trực tiếp đến sản xuất và đời

sống của nhân dân. Nguồn vốn để đầu tư nâng cấp hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn; áp lực giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội cho các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhất là số lượng người lao động trở về quê từ các tỉnh phía Nam rất lớn. Hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước của một số cấp chính quyền cơ sở chưa cao; trách nhiệm thực thi công vụ của một bộ phận công chức còn chưa đạt yêu cầu.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân; triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp phục hồi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân để phát triển sản xuất, kinh doanh. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và bảo đảm công tác an sinh xã hội. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng chống tham nhũng, lãng phí. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự và an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2022

a) Chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP): 8,5-9,5%
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp khoảng 23-24%; Công nghiệp và xây dựng khoảng 33-34%; Dịch vụ khoảng 42-43%
- Thu ngân sách nhà nước: 14.997 tỷ đồng
- Tổng kim ngạch xuất khẩu: 2.200 triệu USD
- Tổng nguồn đầu tư phát triển toàn xã hội: 96.000 tỷ đồng
- GRDP bình quân đầu người: 50-51 triệu đồng
- Tỷ lệ đô thị hóa: 33%

b) Chỉ tiêu xã hội

- Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,2‰
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 1-1,5%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: 14,9%
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 74,72%

- Tạo việc làm mới: 41.050 lao động
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 67,7%
- Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế: 93%
- Số bác sỹ/vạn dân: 11,6 bác sỹ
- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ: 90%
- Số giường bệnh/vạn dân: 36,54 giường
- Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa: 67,4%
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn: 73,5%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 92%
- Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội: 20,09%
- Xây dựng nông thôn mới trong năm: 10 xã đạt chuẩn nông thôn; 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 04 xã đạt chuẩn nông mới kiểu mẫu; 02 huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 87%
- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch:
 - + Đối với đô thị loại 4 trở lên: 72%
 - + Đối với đô thị loại 5: 89,6%
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định: 58%
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 96,5%; trong đó, tỷ lệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90%.
 - Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%
 - Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 87%

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương về công tác phòng, chống dịch Covid-19; triển khai hiệu quả kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các cấp, các ngành ngay từ đầu năm 2022. Theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động từ sớm, từ xa trong việc xây dựng các phương án, kịch bản ứng phó phù hợp với mọi tình huống trên tinh thần quyết liệt, đồng bộ kịp thời, linh hoạt và hiệu quả. Nâng cao ý thức, huy động sức mạnh của nhân dân trong công tác phòng, chống dịch. Đẩy mạnh tiêm chủng vắc-

xin Covid-19 cho người dân, nhất là các đối tượng thuộc địa bàn, lĩnh vực là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, công nhân, người lao động trong khu kinh tế, các khu công nghiệp và trong các ngành thương mại, dịch vụ.

- Chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế, nhất là các lĩnh vực bị tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 trên cơ sở Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ được phê duyệt, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, tương ứng với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo từng ngành, lĩnh vực. Triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy doanh nghiệp khôi phục, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi dịch bệnh được khống chế.

- Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án thuộc chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Chuẩn bị nội dung tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách mới phù hợp để đề xuất ban hành Nghị quyết mới cho giai đoạn tiếp theo.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn với tổ chức sản xuất liên kết, khép kín giữa các khâu theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường, lợi thế so sánh của từng vùng. Duy trì, phát triển ổn định quy mô diện tích sản xuất cây lương thực có hạt (lúa khoảng 177.200 ha, trong đó diện tích lúa chất lượng đạt trên 85.000 ha; ngô khoảng 50.000 ha), bảo đảm sản lượng cây có hạt đạt khoảng 1,2 triệu tấn. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi, phát triển cả về số lượng và chất lượng các loại con nuôi chủ lực. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

Làm tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển thế giới; sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng sản xuất là rừng trồng, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu lập nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ tại tỉnh Nghệ An. Tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp từng vùng sinh thái. Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tăng cường đầu tư thiết bị bảo quản chế biến trên tàu khai thác, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu

hoạch. Phần đầu năm 2022, sản lượng khai thác đạt khoảng 176 ngàn tấn, nuôi trồng đạt khoảng 63 ngàn tấn.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) gắn với phong trào thi đua “Nghệ An chung sức xây dựng Nông thôn mới”. Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả và triển khai có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Phần đầu năm 2022, có thêm ít nhất 10 xã đạt chuẩn NTM, 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã đạt NTM kiểu mẫu, các xã khác phần đầu đạt bình quân 16,95 tiêu chí/xã và có thêm 02 đơn vị cấp huyện (Đô Lương, Diên Châu) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phát triển công nghiệp

Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng phương án và thực hiện các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 để duy trì sản xuất ổn định; hỗ trợ tiếp cận kênh thông tin về xuất, nhập khẩu tìm kiếm thị trường mới nhập khẩu nguyên, vật liệu đầu vào; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động của Tổ công tác chỉ đạo tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp; trực tiếp làm việc với các doanh nghiệp để nắm bắt khó khăn vướng mắc, có giải pháp tháo gỡ kịp thời. Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo đầu vào cho các nhà máy (mía, gỗ trồng, chè, cao su, dứa, thực phẩm chăn nuôi bò sữa, thủy sản,...). Phần đầu năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 92.500 tỷ đồng, tăng 16-17%/ước thực hiện năm 2021.

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp VSIP, WHA, Hoàng Mai I, cụm công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Đẩy nhanh tiến độ một số dự án công nghiệp quy mô lớn đang triển khai đầu tư để đưa vào hoạt động trong năm 2022 nhằm tăng năng lực sản xuất mới như: Dự án cầu kiện điện tử của Everwin Precision Việt Nam, Goertek Vina, Tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao Nghi Văn, các nhà máy sản xuất và gia công giày dép, may mặc...; phát huy tối đa công suất nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Luxshare; hoàn thành các thủ tục để sớm khởi công dự án sản xuất linh kiện điện tử của Tập đoàn Ju Teng (Đài Loan) tại KCN Hoàng Mai 1...

- Phát triển thương mại, dịch vụ

Tổ chức thực hiện công tác bình ổn thị trường, giá cả, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Triển khai giải pháp thúc đẩy phát triển các hoạt động thương mại, xuất khẩu, du lịch, dịch vụ sau dịch Covid-19. Thường xuyên rà soát, cập nhật các kịch bản, phương án cung ứng hàng hóa nhu yếu phẩm, đảm bảo ổn định thị trường trong mọi tình huống. Tăng cường hỗ trợ kết nối cung - cầu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, tập trung khai thác tốt thị trường nội địa; phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp phát huy lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 614/KH-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh về Khôi phục hoạt động du lịch Nghệ An trong trạng thái bình thường mới. Hoàn thành phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, khai thác có hiệu quả, bền vững các loại hình và sản phẩm du lịch là thế mạnh của tỉnh. Tổ chức phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng; bưu chính, viễn thông. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

3. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành xây dựng quy hoạch tỉnh; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư. Khẩn trương hoàn thành Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm chất lượng và tiến độ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tập trung triển khai thực hiện Đề án cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 566/KH-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; phát huy hiệu quả Tổ công tác đặc biệt để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát đề sửa đổi đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, chấp thuận đầu tư trên địa bàn tỉnh; ban hành quy định về trình tự, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh), sửa đổi bổ sung Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh ban hành một số quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 về quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh Nghệ An phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

- Xây dựng kế hoạch xúc tiến, thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm với những đối tác, ngành nghề, dự án ưu tiên đầu tư phù hợp. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, trực tuyến; tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư gắn với công bố Quy hoạch tỉnh. Tập trung giải quyết các khó khăn vướng mắc cho các dự án trọng điểm, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án KCN đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An, WHA, Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2, Thọ Lộc... Hỗ trợ, đôn đốc các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cảng biển (Bến số 6,7,8 Cửa Lò, Bến cảng xi măng Vissai, Cảng nước sâu Cửa Lò) hoàn thành các thủ tục liên quan, đẩy nhanh tiến độ thi công để sớm đưa vào khai thác vận hành. Xây dựng Đề án điều chỉnh mở rộng Khu kinh tế Đông Nam và đổi tên thành Khu kinh tế Nghệ An trình

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm, hạ tầng kết nối; tăng cường quản lý hiệu quả thu, chi ngân sách

- Chỉ đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Tăng cường kỷ cương, thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN theo hướng trọng tâm, trọng điểm; nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của dự án. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển kết cấu hạ tầng trọng yếu giai đoạn 2021-2025. Đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các dự án trọng điểm có tính kết nối và có sức lan tỏa để phát triển kinh tế xã hội⁶². Tích cực chỉ đạo, chủ động phối hợp để triển khai dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Nghệ An. Tập trung tháo gỡ hai nút thắt về hạ tầng cơ bản của tỉnh về Cảng nước sâu và Sân bay Vinh. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư của các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 để tạo tiền đề tốt cho việc thực hiện dự án.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2022, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế; phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện chính sách thuế, nghĩa vụ nộp thuế. Thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng chế độ. Chủ động cân đối nguồn lực đảm bảo đầy đủ các khoản chi thực hiện công tác an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, bão lũ. Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chủ động, sáng tạo, kịp thời chỉ đạo, điều hành thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kép; huy động tối đa các nguồn lực đầu tư triển khai nhanh chuyển đổi số trong giáo dục. Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2022⁶³. Từng bước phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Chuẩn bị các yếu tố, điều kiện xây dựng, phê duyệt và triển khai hiện đề án tái cơ cấu các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, để hoàn thành mục tiêu xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đào tạo khu vực Bắc Trung Bộ.

⁶² Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Lò (Nghệ An); đường Mường Xén - Ta Đơ - Khe Kiền; Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2); Đường nối từ QL7C đến đường Hồ Chí Minh; ...

⁶³ đạt tỷ lệ 74,72% với lũy kế là 1.085 trường (phương án kiểm soát được dịch bệnh), đạt tỷ lệ 72% với lũy kế là 1.045 trường (phương án thấp)

- Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn quy định, đáp ứng yêu cầu đào tạo; nhất là các trường nghề chất lượng cao, các trường nghề trọng điểm. Đổi mới nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận và cập nhật kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thực tiễn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; ưu tiên đầu tư phát triển các trường chất lượng cao, trường có ngành nghề trọng điểm các cấp độ.

- Huy động nguồn lực, từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; ưu tiên đầu tư cho các trường chất lượng cao, trường nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN; trường chuyên biệt đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh, sinh viên được thực hành, thực tập, nâng cao trình độ kỹ năng tay nghề, tiếp cận với các thiết bị công nghệ mới, tiên tiến đòi hỏi kỹ thuật cao và trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp hơn.

- Tập trung ưu tiên, hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường. Đổi mới lựa chọn, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tập trung phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc sản. Nâng cao hiệu quả đầu tư cho khoa học và công nghệ, từng bước xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ. Nhân rộng các đề tài, mô hình hiệu quả. Thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ địa phương, lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu để đầu tư xác lập bảo hộ và phát triển thương hiệu sản phẩm Nghệ An. Nghiên cứu để xây dựng một số sản phẩm chủ lực của Nghệ An mang thương hiệu quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, phục vụ mục tiêu sản xuất sạch. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý của nhà nước đối với tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tập trung nguồn lực để tác động khoa học và công nghệ cho một số sản phẩm chiến lược của tỉnh, nhất là nông nghiệp, dược liệu.

6. Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

- Tổ chức và tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh về Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển văn hóa con người Việt Nam và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An đáp ứng hội nhập và phát triển. Tiếp tục thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Phần đầu cuối năm 2022 có 73,5% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn; 67,4% số làng bản, khối xóm được công

nhận đạt danh hiệu văn hóa. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đưa phong trào “Chạy Olympic sức khỏe toàn dân” trở thành phong trào thường niên và hàng ngày của người dân. Phần đầu đến cuối năm 2022, có 24,5% số hộ gia đình được công nhận gia đình thể thao; có 35,2% số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

- Chủ động triển khai các biện pháp dự phòng tích cực, xử lý và khống chế kịp thời các bệnh dịch, không để dịch bệnh bùng phát, lây lan rộng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả kế hoạch "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh" tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập; duy trì đánh giá Bộ tiêu chí bệnh viện/phòng khám an toàn phòng chống dịch Covid-19. Phát triển các dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh, đặc biệt là các kỹ thuật cao, đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh thuận tiện, chất lượng ngày càng cao. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp các bệnh viện đạt tiêu chuẩn quy định, môi trường bệnh viện thân thiện, xanh, sạch, đẹp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và điều hành; triển khai Bệnh án điện tử; telehealth, hồ sơ sức khỏe điện tử. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý an toàn thực phẩm. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phần đầu năm 2022, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 14,9%; 11,6 bác sỹ/vạn dân; 36,54 giường bệnh/vạn dân; tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em đạt 95% trở lên.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung chỉ đạo hoàn thành việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, số 126/NQ-CP, số 116/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, số 28/2021/QĐ-TTg, số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo thực hiện tốt Đề án và Kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, Chương trình an toàn, vệ sinh lao động tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên nắm thông tin, kết nối cung - cầu lao động trong, ngoài tỉnh và thị trường lao động quốc tế; quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; phối hợp với các địa phương trong và ngoài tỉnh tạo sự kết nối, liên thông trong chuỗi cung ứng lao động giữa các địa phương. Phần đầu năm 2022, tạo việc làm mới cho 41.050 người lao động; trong đó, giải quyết việc làm trong tỉnh 25.000 người, ngoài tỉnh 3.500 người, đưa người đi làm việc ở nước ngoài là 12.550 người. Mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là bảo hiểm tự nguyện. Tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách BHXH, BHTN, BHYT; nhất là các chế độ, chính sách có hiệu lực thi hành từ năm 2022, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHTN, BHYT.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách và chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; các giải pháp giảm nghèo bền vững, nhất là các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với hộ nghèo; xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông để huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động

thoát nghèo của người nghèo; phát huy, lan tỏa tinh thần tương thân, tương ái, hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức, sớm ổn định cuộc sống. Phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 từ 1-1,5% theo mục tiêu đã xác định. Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; 100% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư địa phương nơi cư trú. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về công tác trẻ em và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025; tiếp tục quan tâm ưu tiên nguồn lực để đầu tư phát triển vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hạ tầng giao thông, điện về các thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia, nước sinh hoạt, hạ tầng để di dời dân nơi bị sạt lở đất do ảnh hưởng của thiên tai,...

7. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản; tăng tính minh bạch trong công tác quản lý và sử dụng đất đai, khoáng sản. Rà soát chính sách, pháp luật về lĩnh vực tài nguyên môi trường đã ban hành thuộc thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay thế nhằm tháo gỡ và giải quyết vướng mắc, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn lực tài nguyên, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai toàn tỉnh; phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thành, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai.

- Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trọng tâm là đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước; rà soát xử lý tình trạng dự án chậm triển khai, lãng phí, sử dụng đất sai mục đích, vi phạm pháp luật về đất đai; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm nhằm nâng hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của người dân về bảo vệ môi trường, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trở thành nếp sống, văn hóa trong cộng đồng dân cư; tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất; tập trung xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Chủ động thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; sẵn sàng các phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”. Tăng cường công tác phòng, chống lụt bão đảm bảo an toàn, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp; kiểm tra các đập, hồ chứa thủy điện,

công tác vận hành của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết xử lý các vi phạm về quản lý đê điều, thủy lợi theo quy định. Thực hiện tốt các quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với thực hiện đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc thực hiện phân cấp, phân quyền. Triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Xây dựng Đề án mở rộng không gian đô thị thành phố Vinh theo Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 và Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. Tiếp tục rà soát, cải cách TTHC theo hướng minh bạch, cải tiến quy trình, đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện tốt phương châm: “Nhanh - Đúng - Hiệu quả”; chuyển từ “giải trình” sang “giải quyết” trong tham mưu, giải quyết các TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 1; phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Số hóa, xây dựng CSDL, hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành trọng điểm phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp đồng bộ trên các ngành, lĩnh vực. Xây dựng CSDL không gian địa lý cung cấp hạ tầng dữ liệu thiết yếu cho vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh; tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, như: du lịch, y tế, giáo dục, môi trường, phòng chống thiên tai và giao thông thông minh. Đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Nghệ An để cung cấp dịch vụ công trực tuyến hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử. Duy trì kết nối giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, đảm bảo thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của

chính quyền các cấp trong tỉnh. Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Khung tham chiếu ICT đô thị thông minh do Bộ ngành, Trung ương ban hành.

9. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng tâm trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm theo đúng hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đơn vị; triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thanh tra đã được các cấp, các ngành phê duyệt và các cuộc thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền địa phương, đơn vị trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh, không để tạo thành “điểm nóng”, hạn chế tụ tập đông người, gây phức tạp về an ninh trật tự; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai thi hành Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các Nghị định hướng dẫn thi hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng.

10. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, sẵn sàng cơ động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục chuẩn bị và tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2022. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh biên giới, miền núi, dân tộc, an ninh xã hội, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh phi truyền thống. Tập trung đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, kiềm chế gia tăng tội phạm. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ.

- Triển khai hiệu quả các nội dung của Chương trình hoạt động đối ngoại năm 2022, nhất là thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm⁶⁴. Tổ chức các hoạt động ngoại giao kinh tế⁶⁵; Hội thảo thu hút đầu tư giữa tỉnh Nghệ An với các tổ chức

⁶⁴ Tổ chức Hội đàm cấp cao giữa tỉnh Nghệ An và các tỉnh: Xiêng Khoảng, Hòa Phấn, Bo Ly Khăm Xay (CHDCND Lào); Hội đàm cấp cao kết hợp quảng bá xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giữa tỉnh Nghệ An với các tỉnh, thành phố: Gifu (Nhật Bản); Gyeonggi, Daegu (Hàn Quốc); các hoạt động chào mừng ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước Lào, Hàn Quốc.

⁶⁵ như: Chương trình quảng bá địa phương (VPR 2022), Hội nghị Gặp gỡ địa phương với các cơ quan đại diện nước ngoài (MEET 2022).

KCCI, KORCHAM (Hàn Quốc), EuroCham; Tọa đàm 35 năm ngày UNESCO ra Nghị quyết tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam tại tỉnh Nghệ An. Đảm bảo công tác thông tin đối ngoại và quản lý phóng viên, báo chí nước ngoài được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia; công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; công tác lãnh sự và bảo hộ công dân, giải quyết nhanh chóng, hiệu quả thủ tục xuất nhập cảnh cho các chuyên gia nước ngoài. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động đối ngoại nhân dân.

11. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

- Tập trung làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền; đa dạng hoá các biện pháp, hình thức tuyên truyền, định hướng dư luận, thông tin kịp thời, khách quan, chính xác, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, tạo đồng thuận, tin tưởng của người dân, doanh nghiệp về chủ trương, chính sách, biện pháp phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể để nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Kịp thời tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường tổ chức đối thoại và tiếp nhận các ý kiến phản biện chính sách để tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của toàn xã hội, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng).

thg

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2020/NQ-HĐND NGÀY 13/12/2020 CỦA HĐND TỈNH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2021 HĐND tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá
I	Chỉ tiêu kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP)	%	7,5-8,5	6,2	Không đạt
2	Cơ cấu kinh tế				Không đạt
-	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	23-24	24,57	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	32-33	33,04	
-	Dịch vụ	%	43-44	42,39	
3	Thu ngân sách	Tỷ đồng	14.035,9*	17.678	Vượt
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.200	1.950	Vượt
5	Tổng nguồn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	88.000	86.354	Không đạt
6	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	48-49	45,64	Không đạt
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	33	32,4	Không đạt
II	Chỉ tiêu xã hội				
1	Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0,3	0,3	Đạt
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,5-0,7	0,68	Đạt
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	16,3	15,3	Vượt
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	73,35	73,35	Đạt
5	Tạo việc làm mới	1000 người	37-38	38,85	Vượt
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	66,4	66,4	Đạt
	- Trong đó tỷ lệ được cấp văn bằng, chứng chỉ	%	26,3	26,3	
7	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%	93	93	Đạt
8	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	11	11	Đạt
9	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	90	90	Đạt
10	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	35,72	35,72	Đạt
11	Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa	%	66,2	66,2	Đạt
12	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn quốc gia	%	70,6	70,6	Đạt
13	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	91	91	Đạt
14	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	18,09	19,06	Vượt
15	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	Xã	20	20	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2021 HĐND tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá
III	Chỉ tiêu môi trường				
1	Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	86	86	Đạt
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch				Không đạt
-	<i>Đối với đô thị loại 4 trở lên</i>	%	71,8	71	
-	<i>Đối với đô thị loại 5</i>	%	88,9	88,6	
3	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định	%	58	58	Đạt
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị	%	96,2	96,2	Đạt
	<i>Trong đó, tỷ lệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường</i>	%	90	90	
5	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	86	86	Đạt
6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	85	85	Đạt

* Số dự toán đang trình HĐND tỉnh điều chỉnh do tăng ghi thu viện trợ, số tiền 3.617 triệu đồng

Phụ lục 2
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP)	%	4,71	7,5-8,5		6,20		8,5-9,5	
2	Quy mô GRDP theo giá so sánh	Tỷ đồng	84.739	90.972		89.992	106,20	97.665	108,5
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	18.481	19.397		19.514	105,59	20.300	104,5
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	25.585	29.079		29.061	113,59	33.420	114,6
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	13.909	15.455		16.522	118,79	19.690	118,1
	<i>Xây dựng</i>	Tỷ đồng	11.676	13.624		12.539	107,39	13.730	109,9
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	36.342	38.184		36.802	101,26	38.890	105,7
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	4.331	4.312		4.614	106,53	5.050	109,4
3	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng	144.570	163.133		155.425	107,51	171.250	110,2
	<i>Trong đó:</i>								
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		35.563	38.815		38.192		40.315	
-	Công nghiệp và xây dựng		39.532	48.443		45.824		54.140	
-	Dịch vụ		62.133	68.379		63.513		68.050	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		7.342	7.495		7.895		8.745	
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	42,95	48-49		45,64		50-51	
5	Cơ cấu kinh tế								
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	24,60	23-24		24,57		23-24	
-	<i>Công nghiệp, xây dựng</i>	%	30,90	32-33		33,04		33-34	
-	<i>Dịch vụ</i>	%	44,50	43-44		42,39		42-43	
6	Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	78.605	88.000		86.354	109,9	96.000	111,2
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	17.837	14.035,9	15.133	17.678,6	99,1	14.997	84,8
	<i>Trong đó:</i>								
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	16.658	12.782	13.626	16.075	96,5	13.697	85,2
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	1.178	1.250	1.507	1.600	135,8	1.300	81,3
	Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng		25.720	21.587	27.984		31.060	111,0
	<i>Trong đó:</i>								
-	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng		6.501	5.959	8.500		9.689	114,0
-	Chi thường xuyên	Tỷ đồng		18.730	15.238	18.995		20.839	109,7

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	68.462	73.000	52.406	68.000	99,3	74.000	108,8
9	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.372	1.200	1.620	1.950	142,1	2.200	112,8
	<i>Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa</i>	<i>Triệu USD</i>	1.063	910	1.350	1.630	153,3	1.850	113,5
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	32	33	32,3	32,4	101,3	33,0	101,9

Phụ lục 3
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Uớc thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
I	CÔNG NGHIỆP								
	Một số sản phẩm chủ yếu								
*	<i>CN khai khoáng</i>								
-	Thiếc tinh luyện	Tấn	167	235	108	150	89,8	150	100,0
-	Than sạch	1000 tấn	15	15	12,5	15	100,0	17	113,3
-	Khai thác đá xây dựng các loại	1000 m ³	4.300	5.500	4.308	5.085	118,3	5.300	104,2
-	Bột đá trắng	1000 tấn	980	1.200	580	950	96,9	1.200	126,3
*	<i>CN chế biến, chế tạo</i>								
-	Thủy sản đông lạnh	Tấn	7.000	9.000	7.916	9.500	135,7	9.800	103,2
-	Chè búp khô	Tấn	13.000	14.000	1.250	15.000	115,4	17.000	113,3
-	Bia lon, chai các loại	1000 lít	150.000	180.000	94.855	135.000	90,0	165.000	122,2
-	Đường kính	Tấn	128.000	132.000	76.606	123.000	96,1	130.000	105,7
-	Dầu thực phẩm	1000 lít	31.000	34.000	28.300	34.000	109,7	34.000	100,0
-	Sữa chế biến	1000 lít	253.000	300.000	228.234	310.000	122,5	325.000	104,8
-	Thức ăn gia súc	Tấn	146.000	180.000	133.483	200.000	137,0	220.000	110,0
-	Tinh bột sắn	Tấn	65.000	65.000	54.160	65.000	100,0	65.000	100,0
-	Nước mắm	1000 lít	145.000	150.000	112.500	135.000	93,1	150.000	111,1
-	Cá đóng hộp	Tấn	19.000	20.000	20.835	25.000	131,6	32.000	128,0
*	<i>CN Dệt may, CB nông lâm, hàng tiêu dùng</i>								
-	Quần áo may sẵn	1000 SP	45.000	65.000	59.954	70.000	155,6	85.000	121,4
-	Sản phẩm may khác	1000 SP	15.000	17.000	14.260	17.000	113,3	20.000	117,6
-	Giày, dép da quy đổi	1000 đôi	500	1.500	1.250	1.500	300,0	5.000	333,3
-	Sợi các loại	Tấn	12.500	17.000	10.847	14.300	114,4	17.000	118,9
-	Giấy và bìa carton	Tấn	20.000	30.000	12.500	24.000	120,0	26.000	108,3
-	Bao bì các loại	Triệu SP	79	80	49	75	94,9	80	106,7
-	Hộp bia lon	Triệu SP	570	650	541	650	114,0	680	104,6
-	Gỗ MDF+ghép thanh	m ³	185.000	200.000	166.000	200.000	108,1	250.000	125,0
-	Dăm gỗ	Tấn	580.000	650.000	304.900	480.000	82,8	650.000	135,4
-	Viên nén sinh khối	Tấn	100.000	210.000	191.660	230.000	230,0	300.000	130,4
-	Bánh kẹo các loại	Tấn	30.000	40.000	31.660	38.000	126,7	42.000	110,5
*	<i>Vật liệu xây dựng</i>								
-	Xi măng	1000 tấn	7.100	8.200	7.196	8.800	123,9	9.000	102,3
-	Gạch nung quy chuẩn	Triệu viên	770	800	630	760	98,7	760	100,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
-	Gạch ốp lát granit	1000 m ²	4.000	5.500	2.670	3.200	80,0	4.000	125,0
-	Sơn các loại	Tấn	9.900	10.000	8.330	10.000	101,0	10.000	100,0
-	Kính cường lực	m2	60.000	120.000	98.000	120.000	200,0	120.000	100,0
*	Hoá chất								
-	Phân bón NPK	1000 tấn	60	100	27,7	55	91,7	60	109,1
*	Cơ khí chế tạo, điện tử								
-	Tôn, thép Hoa Sen	Tấn	620.000	700.000	621.000	720.000	116,1	750.000	104,2
-	Bồn nước các loại	SP	195.000	195.000	162.000	195.000	100,0	195.000	100,0
-	Linh kiện điện tử	Triệu SP	250	310	260	320	128,0	450	140,6
-	Thiết bị vệ sinh, nhà tắm	SP	300.000	700.000	580.000	700.000	233,3	700.000	100,0
*	CN điện nước								
-	Nước máy	1000 m ³	32.000	35.000	26.973	33.000	103,1	35.000	106,1
-	Nước uống tinh khiết	1000 lít	27.000	30.000	25.000	30.000	111,1	33.000	110,0
-	Điện thương phẩm	Tr.KWh	3.900	4.200	3.440	4.200	107,7	4.500	107,1
-	Điện sản xuất	Tr.KWh	3.027	3.500	2.691	3.600	118,9	3.900	108,3
II	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Sản phẩm chủ yếu nông nghiệp								
1.1	Trồng trọt								
a)	Lúa cả năm:								
-	Diện tích:	Ha	180.214	179.600	180.332	178.940	99,3	177.200	99,0
-	Năng suất:	Tạ/ha	54,07	54,68	54	58,07	107,4	55,93	96,3
-	Sản lượng:	Tấn	974.366	982.000	971.310	1.039.162	106,7	991.000	95,4
b)	Ngô:								
-	Diện tích:	Ha	45.513	50.000	40.859	45.628	100,3	50.000	109,6
-	Năng suất:	Tạ/ha	44,69	45,30	45,45	45,43	101,7	50,16	110,4
-	Sản lượng:	Tấn	203.396	226.500	185.720	207.286	101,9	250.800	121,0
c)	Lạc:								
-	Diện tích:	Ha	12.902	13.500	12.489	12.226	94,8	13.500	110,4
-	Năng suất:	Tạ/ha	26,57	29,00	26,64	27,35	102,9	29,00	106,0
-	Sản lượng:	Tấn	34.285	39.150	33.265	33.438	97,5	39.150	117,1
d)	Sản nguyên liệu:								
-	Diện tích:	Ha	9.800	10.000	9.682	10.000	102,0	10.000	100,0
-	Năng suất:	Tạ/ha	380	381	266	381	100,3	381,0	100,0
-	Sản lượng:	Tấn	372.400	381.000	257.748	381.000	102,3	381.000	100,0
e)	Cây Mía nguyên liệu								
-	Tổng diện tích	Ha	20.206	25.000	21.195	24.000	118,8	25.000	104,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
-	Năng suất	Tạ/ha	590	650	630	630	106,7	720	114,3
-	Sản lượng:	1000 tấn	1.193	1.625	1.335	1.512	126,7	1.625	107,5
f)	Cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả chủ yếu								
	<i>Cây ăn quả</i>								
	Cam tập trung								
-	Tổng diện tích	Ha	5.254	5.200	5.194	5.200	99,0	5.500	105,8
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.676	3.800		3.800	103,4	4.000	105,3
-	Năng suất	Tạ/ha	162,6	170,0		170,0	104,6	170,0	100,0
-	Sản lượng	Tấn	59.772	64.600	31.603	64.600	108,1	68.000	105,3
	<i>Cây công nghiệp lâu năm</i>								
	Cây chè công nghiệp								
-	Tổng diện tích	Ha	8.318	8.500	7.893	8.500	102,2	9.500	111,8
-	Diện tích kinh doanh	Ha	6.572	7.300		7.300	111,1	7.400	101,4
-	Năng suất	Tạ/ha	119,7	121,9		121,9	101,9	121,6	99,8
-	Sản lượng (chè búp tươi)	Tấn	78.653	89.000	52.762	89.000	113,2	90.000	101,1
	Cây cao su								
-	Tổng diện tích	Ha	9.696	12.500	11.762	10.000	103,1	10.000	100,0
-	Diện tích kinh doanh	Ha	4.905	7.000		7.000	142,7	7.000	100,0
-	Năng suất	Tạ/ha	12,6	11,4		11,4	91,0	12,1	106,3
-	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	6.159	8.000	4.425	8.000	129,9	8.500	106,3
1.2	<i>Chăn nuôi</i>								
-	Tổng đàn trâu, bò	Con	754.220	776.000	763.412	776.000	102,9	781.000	100,6
+	Tổng đàn trâu	Con	268.320	268.000	268.000	268.000	99,9	268.000	100,0
+	Tổng đàn bò	Con	485.900	508.000	495.412	508.000	104,5	513.000	101,0
-	Tổng đàn lợn	1000 con	905	1.000	917	1.000	110,5	1.100	110,0
-	Tổng đàn gia cầm	1000 con	28.371	27.500	25.139	27.500	96,9	28.000	101,8
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	250.293	270.000	197.386	270.000	107,9	282.000	104,4
-	Sản lượng sữa	Triệu lít	241,9	250,0	184.102,0	250,0	103,3	250,0	100,0
2	<i>Lâm nghiệp</i>								
-	Trồng rừng tập trung	Ha	18.533	18.000	11.343	18.500	99,8	18.500	100,0
-	Bảo vệ rừng	Ha	965.057	964.660	964.660	964.660	100,0	964.660	100,0
-	Khoanh nuôi rừng	Ha	61.122	65.000	61.122	65.000	106,3	76.000	116,9
-	Chăm sóc rừng	Ha	54.686	54.000	54.686	54.000	98,7	54.000	100,0
-	Khai thác gỗ	1000 m ³	1.320	1.500	936	1.500	113,7	1.500	100,0
-	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	58,5	58,0	58,0	58,0	99,1	58,0	100,0
3	<i>Thủy sản</i>								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
3.1	Tổng sản lượng	Tấn	243.190	235.000	225.180	245.000	100,7	250.000	102,0
-	Sản lượng khai thác	Tấn	185.348	175.000	169.771	185.000	99,8	187.000	101,1
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	57.842	60.000	55.409	60.000	103,7	63.000	105,0
3.2	Diện tích nuôi trồng	Ha							
-	Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	18.993	19.000	18.510	19.500	102,7	19.000	97,4
-	Diện tích nuôi mặn lợ	Ha	2.483	2.500	2.238	2.500	100,7	2.500	100,0
4	Xây dựng nông thôn mới (luỹ kế)								
-	Số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	Xã	280	300	281	300	107,1	310	103,3
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	68,13	72,99	68,37	72,99	107,1	75,43	103,3
-	Số đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và đạt chuẩn Nông thôn mới	Huyện, thành, thị	6	7	6	7	116,7	9	128,6
-	Tỷ lệ số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	28,57	33,33	28,57	33,33	116,7	42,86	128,6
-	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã	2	26	0	26		48	184,6
-	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	xã	0	2	0	2		6	300,0
III	DỊCH VỤ								
1	Thương mại								
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	68.462	73.000	52.406	68.000	99,3	74.000	108,8
2	Xuất nhập khẩu								
	<i>Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa</i>	Triệu USD	1.063	910	1.350	1.630	153,3	1.850	113,5
-	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:								
	Hoa quả tươi		10	2	0,16	0,2	2,0	0,2	100,0
	Tinh bột sắn		19	23	14,6	20	105,3	25	125,0
	Hàng thủy sản		28	30	53,15	61	217,9	60	98,4
	Chè		4,7	5	3,58	4,2	89,4	3,5	83,3
	Hạt tiêu		4	4	1,71	2	50,0	2	100,0
	Gạo		15	15	5,78	6,5	43,3	7	107,7
	Bột đá vôi trắng siêu mịn		47	50	51,8	60	127,7	55	91,7
	Đá vôi trắng		24	25	16,3	19	79,2	15	78,9
	Đá ốp lát		13	16	17,4	21	161,5	18	85,7
	Hàng dệt, may		297	320	324	380	127,9	390	102,6
	Nguyên phụ liệu dệt may		29	25	9,2	11	37,9	10	90,9
	Máy móc thiết bị		21	20	47,2	52	247,6	25	48,1
	Dăm gỗ		140	150	130	165	117,9	170	103,0
	Vật liệu xây dựng		26	35	14,8	19	73,1	25	131,6
	Linh kiện điện thoại		19	100	213	260	1.368,4	280	107,7
	Xơ, sợi dệt các loại		12	12	16,86	20	166,7	17	85,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Uớc thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
	Hoa quả chế biến và nước hoa quả		39	40	31	40	102,6	40	100,0
	Hạt phụ gia nhựa		22	23	25,78	30	136,4	25	83,3
	Bao bì các loại		9,8	10	10,2	11,5	117,3	12	104,3
	Mặt hàng khác		10	5	15	18	180,0	20	111,1
	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	735	840	740	850	115,6	850	100,0
3	Vận tải								
-	Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Triệu tấn.km	3.642	4.200	3.190	3.900	107,1	4.400	112,8
-	Khối lượng hành khách luân chuyển	Triệu HK.km	7.975	10.000	6.750	7.815	98,0	11.000	140,8
-	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	10.589	13.100	8.237	9.885	93,4	14.500	146,7
4	Du lịch								
-	Tổng lượt khách du lịch	Lượt người	3.525.500	4.500.000	1.783.000	1.843.000	52,3	3.600.000	195,3
-	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt người	3.506.180	4.474.000	1.779.077	1.838.677	52,4	3.590.000	195,2
-	Số lượt khách du lịch quốc tế	Lượt người	19.320	26.000	3.923	4.323	22,4	10.000	231,3
-	Số lượt khách du lịch lưu trú (kể cả khách quốc tế)	Lượt người	2.684.000	3.800.000	1.218.000	1.268.000	47,2	3.000.000	236,6
-	Doanh thu dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	2.570	3.500	1.054	1.088	42,3	3.000	275,7
5	Thông tin - truyền thông								
-	Số Trạm BTS	Trạm	7.200	7.200	7.773	7.801	108,0	8.346	107,0
-	Số xã có sóng TTĐĐ 3G	%	460	460	460	460	100,0	460	100,0
-	Số xã có sóng TTĐĐ 4G	%	458	458	460	460	100,2	460	100,0
	+ Số thuê bao internet cố định	Thuê bao	330.000	330.000	371.053	380.680	112,4	412.106	108,3
-	Số thuê bao điện thoại/100 dân	Thuê bao	88	88	89	89	101,1	89	100,0
-	Số thuê bao internet băng thông rộng/100 dân	Thuê bao	56	56	57	57	101,6	58	101,0
-	Số thuê bao truyền hình trả tiền (internet; cáp)	Thuê bao	160.000	160.000	193.947	198.860	121,2	227.894	114,6
IV	DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ								
1	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	DN	13.376		13.833	13.900	103,9	14.000	100,7
2	Kinh tế tập thể								
-	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	793	822	822	822	103,7	862	104,9
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thành lập mới	Hợp tác xã	63	55	55	55	87,3	60	109,1
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã (lũy kế)	Liên hiệp hợp tác xã	2	3	2	2	100,0	3	150,0
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	3062	3.037	3.085	3.090	100,9	3.095	100,2

Phụ lục 4
CÁC CHỈ TIÊU LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
I	DÂN SỐ								
1	Dân số trung bình	Ngàn người	3.365	3.462		3.406	101,2	3.446	101,2
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1	1,2		1,2	120,0	1,2	100,0
3	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	1,46	0,3		1,67	114,4	0,2	12,0
4	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	114,4	113,9		117,15	102,4	116,65	99,6
II	LAO ĐỘNG								
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	1.926.960	1.915.554		1.915.554	99,4	1.916.649	100,1
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Người	1.906.340	1.897.739		1.897.739	99,5	1.898.824	100,1
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	66,4	66,05	66,4	102,2	67,7	102,0
	Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	25,3	26,3	25,93	26,3	104,0	27,4	104,2
4	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	38.098	37.000-38.000	32.425	38.850	102,0	41.050	105,7
5	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	10.718	12.850	7.887	12.850	119,9	12.550	97,7
6	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,99	2,89		2,89	96,7	2,8	96,9
7	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp	%	47,03	46,33		46,33	98,5	42,83	92,4
8	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	11,5	11,54	12,22	12,3	107,0	12,79	104,0
III	GIÀM NGHÈO								
1	Số hộ nghèo	Hộ	34.161	29.966		27.324		64.186	234,9
2	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3,42	<3		2,74		7,5	
3	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm	%	0,7	0,5-0,7		0,68		1-1,5	
4	Số hộ cận nghèo	Hộ	53.990	49.898		50.806		68.645	135,1
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	5,41	<5		5,09		8,0	
6	Số hộ thoát nghèo	Hộ	10.575	10.119		10.079		11.967	118,7
7	Số hộ tái nghèo	Hộ	1.053	982		982		1.138	115,9
IV	Y TẾ								
1	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	34,9	35,72	35,72	35,72	102,3	36,54	102,3
2	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	10	11	10,8	11	110,0	11,6	105,5
3	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sỹ làm việc	%	90	90		90	100,0	90	100,0
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	16,5	16,3		15,3	92,7	14,9	97,4
5	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	96,5	≥95		≥95		≥95	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
6	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	‰	3,6	<10		3,4	94,4	≤8	
7	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	5,1	<14		8	156,9	≤12	
V	BẢO HIỂM XÃ HỘI - BẢO HIỂM Y TẾ								
1	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	90,06	91	88,94	91	101,0	92	101,1
2	Tỷ lệ người lao động tham BHXH	%	17,06	18,09	18,62	19,06	111,7	20,09	105,4
VI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO								
1	Số trường học (theo từng cấp học)	Trường	1.337	1.350	1.225	1.350	101,0	1.373	101,7
2	Số trường học đạt chuẩn quốc gia (theo từng cấp học)	Trường	1.055	1.065	948	1.065	100,9	1.085	101,9
3	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (theo từng cấp học)	%	72,66	73,35	65,29	73,35	100,9	74,72	101,9
4	Tỷ lệ trẻ em đi học mẫu giáo trong độ tuổi	%	91,4	92	92	92	100,7	92,5	100,5
5	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	96,8	97,5	97,5	97,5	100,7	98	100,5
6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	99,1	99,5	99,5	99,5	100,4	99,7	100,2
VII	VĂN HÓA, THỂ THAO								
1	Số di tích được tu bổ	Di tích	25	25	13	29	116,0	29	100,0
2	Tỷ lệ làng, bản, khối xóm văn hóa	%	65	66,2	65,5	66,2	101,8	67,4	101,8
3	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn	%	67,8	70,6	69	70,6	104,1	73,5	104,1
4	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	23,5	24	23,6	24	102,1	24,5	102,1
5	Tỷ lệ số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	34	34,6	30	34,6	101,8	35,2	101,7

Phụ lục 5
CÁC CHỈ TIÊU LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/Ước thực hiện 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2021 so với năm 2020 (%)		
1	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%							
-	<i>Tỷ lệ dân cư đô thị loại 4 dùng nước sạch</i>	%	69,6	71,8	70,5	71,0	102,0	72,0	101,4
-	<i>Tỷ lệ dân cư đô thị loại 5 dùng nước sạch</i>	%	88,0	88,9	88,3	88,6	100,7	89,6	101,1
2	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	85,0	86,0	85,2	86,0	101,2	87,0	101,2
3	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	71,4	86,0	71,4	86,0	120,4	100,0	116,3
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị	%	96,0	96,2	96,2	96,2	100,2	96,5	100,3
-	<i>Tỷ lệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường</i>	%	90	90	90	90	100	90	100
5	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý	%	53,1	70,0	60,8	61,0	114,9	70,0	114,8
6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	77,0	85,0	78,0	85,0	110,4	87,0	102,4
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	58,5	58,0	58,0	58,0	100,9	58,0	100,0
8	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	92,5	94,0	91,0	94,0	101,6	94,3	100,3
-	<i>Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất nông nghiệp</i>	%	99,7	99,7	96,4	99,7	100,0	99,7	100,0